

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HSST
Ngày 05 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Minh Hải;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Ông Đỗ Phụng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ma Thị Huyền Nhung- Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái
Nguyên tham gia phiên toà: Bà Thái Thị Hải Yến—chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại hội trường Ủy ban nhân dân xã Phúc Hà,
thành phố Thái Nguyên. Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái
Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 473
/2017/HSST, ngày 21 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
512/2017/QĐXXST-HS ngày 25/12/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hồng D, sinh ngày: 16/11/1995.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 32, phường Q, thành phố Th, tỉnh Thái
Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:
Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông: Nguyễn Như C, sinh năm 1961; Con
bà: Bàn Thị Hồng T, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có. Gia đình có 05 anh em,
bị cáo là con thứ ba.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: 01

Tại Bản án số 24/HSST ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố
Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, D bị xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài
sản”. Chấp hành xong ngày 01/11/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2017 đến nay. Hiện bị cáo
đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên
tòa.

*** Người bị hại:**

Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú quán: Tổ 32, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh Lý Ngọc T, sinh năm 1986;(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú quán: Tổ 2A, phường H, thành phố Thái Nguyên.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Lê Tùng B, sinh năm 1988; (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú quán:Xóm T, xã H, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 1990;(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Tổ 32, phường Q, thành phố Thái Nguyên

3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1952;(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Tổ 32, phường Q, thành phố Thái Nguyên.

4. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963;(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Tổ 32, phường Q, thành phố Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hồng D là đối tượng không nghề nghiệp, do muốn có tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình mang đi bán. Vào khoảng 18 giờ ngày 05/11/2017, D nói dối bạn là Nguyễn Trường S (sinh năm 1995, trú tại: tổ 8, phường H, thành phố Thái Nguyên) là bố D cho D tài sản mang đi bán và nhờ S đến bê đồ hộ. S đồng ý. Sau đó, D gọi taxi của hãng Bình An do anh Lê Tùng B (sinh năm 1988, trú tại: xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển. D và Sơn đi xe taxi về nhà D tại số nhà 39, tổ 32, phường Q, thành phố Thái Nguyên. Đến nơi, D bảo anh B chờ trước cửa, D và S đi vào trong nhà. Quan sát không thấy ai, D dùng 02 tay bê 01 cục nóng điều hòa nhãn hiệu Panasonic, vỏ màu trắng đặt ở sân phía trước nhà và bảo S bê 01 cục lạnh điều hòa nhãn hiệu LG, vỏ màu trắng ở gần đó (tài sản trên đều là tài sản của anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1987, trú tại: tổ 32, phường Q, thành phố Thái Nguyên là anh trai của D). D và Sơn bê 02 cục điều hòa đi ra ngoài đường để vào cốp xe taxi đang chờ từ trước. Lúc này, D nhìn thấy bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1963, trú tại: tổ 32, phường Q, thành phố Thái Nguyên, bà H1 là cô ruột của D, nhà ở sát nhà D) đang dọn dẹp trước cửa nhà bà H1 thì D hạ kính xe và nói với bà H1: “Cô bảo bố cháu là cháu lấy bộ điều hòa mang đi bán lấy tiền trả nợ” rồi đi. Anh H ở trong nhà nghe thấy liền chạy ra đuổi theo D nhưng không kịp. D và S đi xe taxi chở 02 cục điều hòa đến nhà anh Lý Ngọc T (sinh năm 1986, HKTT: tổ dân phố Phú Thịnh, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên)thuộc tổ 2A, phường H ,thành phố Thái Nguyên và bán 02 cục điều hòa trên cho anh Tuấn với giá 1.900.000 đồng (lúc bán D không nói cho anh T biết đó là tài sản do D trộm cắp mà có). Toàn bộ số tiền trên, D sử dụng vào mục

đích cá nhân hết. Ngày 06/11/2017, anh H trình báo Công an phường Q, thành phố Thái Nguyên đề nghị giải quyết.

Ngày 13/11/2017, anh T đã tự nguyện giao nộp 02 cục điều hòa trên cho Cơ quan điều tra .

Tại kết luận số 366/KL-ĐGTS ngày 18/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên về định giá tài sản, kết luận: 01 cục nóng điều hòa nhãn hiệu Panasonic vỏ màu trắng, Moldel:CU- TS9QKH-8, có giá trị là 6.000.000 đồng; 01 cục lạnh điều hòa nhãn hiệu LG, có giá trị là 2.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên là 8.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hồng D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.Lời khai nhận của D hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như:biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại,lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan,vật chứng thu giữ, kết luậnđịnh giá.

Về vật chứng: 01 cục nóng điều hòa nhãn hiệu Panasonic vỏ màu trắng, Moldel: CU- TS9QKH- 8 và 01 cục lạnh điều hòa nhãn hiệu LG. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho anh Nguyễn Huy Hoàng là chủ sở hữu quản lý và sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 03/KSĐT ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Hồng D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Anh Nguyễn Huy H xác định đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Anh Lý Ngọc T không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền anh đã bỏ ra mua hai cục điều hòa của D.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ quyền công tố đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hồng D phạm tội:“Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48;Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Nguyễn Hồng D từ 12 đến 15 tháng tù.

* Hình phạt bổ sung:Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền)đôi với bị cáo.

* Trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại anh Nguyễn Huy H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lý Ngọc T không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 1.900.000đồng nên không đặt ra giải quyết.

* Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999, truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.900.000đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Hồng D: Không đối đáp, tranh luận. Nhất trí với nội dung Bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo xin hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở để xác định: Nguyễn Hồng D là đối tượng không nghề nghiệp, do muốn có tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình mang đi bán. Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/11/2017 tại số nhà 39 thuộc tổ 32, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Hồng D đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 cục nóng điều hòa nhãn hiệu Panasonic vỏ màu trắng, Model: CU- TS9QKH- 8 và 01 cục lạnh điều hòa nhãn hiệu LG, đã qua sử dụng trị giá 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng) của anh Nguyễn Huy H. Sau đó, D bán tài sản trên cho anh Lý Ngọc T với giá 1.900.000 đồng. Số tiền trên D tiêu xài cá nhân hết. Hiện bộ điều hòa trên đã được thu hồi và hoàn trả cho anh H quản lý sử dụng. Anh H không có yêu cầu bồi thường gì. Anh T không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 1.900.000 đồng nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Như vậy với hành vi trộm cắp tài sản có trị giá 8.500.000đ của Nguyễn Hồng D đã đủ yếu tố cấu thành tội *Trộm cắp tài sản*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Bản cáo trạng số: 03/KSĐT ngày 19/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Hồng D về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cụ thể nội dung khoản 1 Điều 138 BLHS quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý, làm mất trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo đã có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Như vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải và phạm tội gây thiệt hại không lớn do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Hồng D là người có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ rằng bị cáo có ý thức coi thường pháp luật.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung

Mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường do đó Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

Số tiền 1.900.000 đồng có được do bán tài sản phạm pháp mà có, xác định là tiền thu lời bất chính nên cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về vật chứng: 01 cục nóng điều hòa nhãn hiệu Panasonic vỏ màu trắng, Model: CU- TS9QKH- 8 và 01 cục lạnh điều hòa nhãn hiệu LG. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho anh Nguyễn Huy H là chủ sở hữu quản lý và sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Các vấn đề khác: Cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự ra quyết định tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hồng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Hồng D 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2017.

Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Hồng D 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Truy thu 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) là tiền thu lời bất chính của bị cáo D để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường Quang Trung, TPTN;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Minh Hải